

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Cẩm

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa

Ngày 22/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1000/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng năm 2017 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXX-ST ngày 05/01/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1984 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Anh Trần Trung N – Sinh năm: 1980 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Tôi và anh Trần Trung N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15 tháng 7 năm 2008.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm, đến tháng 6/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chồng tôi cá độ đá banh, tôi đã khuyên can tha thứ nhiều lần nhưng không thay đổi. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Trung N và đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Trung K, sinh ngày: 25/10/2009 và cháu Trần Nguyễn Kim Q, sinh ngày: 27/11/2014. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Trần Nguyễn Kim Q đến tuổi trưởng thành, anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Trung K đến tuổi trưởng thành nên tôi đồng ý giao cháu K cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tôi.

*** Bị đơn anh Trần Trung N trình bày:**

Tôi thừa nhận lời trình bày của cô Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Tôi và cô H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15 tháng 7 năm 2008.

Vợ chồng sống với nhau đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi cá độ đá bóng và có nợ tiền nên chủ nợ đến nhà đòi nợ. Năm 2016, tôi bị tai nạn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Tôi thừa nhận là tôi vô tâm, không biết yêu thương vợ con, không lo cho gia đình. Vì những nguyên nhân trên thì vợ tôi đã yêu cầu giải quyết ly hôn. Tất cả lỗi lầm là do tôi gây ra, tôi thấy rất hối hận và tôi muốn sửa chữa sai lầm của mình, nên nguyện vọng của tôi là không muốn ly hôn, muốn các con của tôi có một gia đình trọn vẹn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Trung K, sinh ngày: 25/10/2009 và cháu Trần Nguyễn Kim Q, sinh ngày: 27/11/2014. Nếu cô H vẫn nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của tôi là được nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Trung K đến tuổi trưởng thành. Cô H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Trần Nguyễn Kim Q đến tuổi trưởng thành nên tôi đồng ý giao cháu Q cho cô H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cô Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Trần Trung N và nguyện vọng chăm

sóc nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15 tháng 7 năm 2008. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống; Vợ chồng sống hạnh phúc hơn 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh N không chăm lo gia đình, ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần. Mặc dù, chị H đã nhiều lần khuyên nhủ và anh N cũng có hứa sửa chữa nhưng anh N vẫn không thực hiện được lời hứa, lại tiếp tục cờ bạc nên chị H không còn niềm tin cũng như tình cảm vợ chồng với anh N nữa. Hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân vào tháng 12 năm 2017. Anh N có nguyện vọng đoàn tụ gia đình, để vợ chồng cùng chăm lo cho con cái, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ bằng nhiều phiên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng của anh N, chị H vẫn không cải đổi, duy trì được.

Hội đồng xét xử, xét thấy mục đích hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Tại phiên tòa vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N thừa nhận có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Trung K, sinh ngày, 25/10/2009 và cháu Trần Nguyễn Kim Q, sinh ngày, 27/11/2014. Cả hai thống nhất khi ly hôn, chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Trần Nguyễn Kim Q đến tuổi trưởng thành, anh N chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Trung K đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N là đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Trần Nguyễn Trung K và cháu Trần Nguyễn Kim Q và phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Trung N.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Nguyễn Kim Q, sinh ngày, 27/11/2014 đến tuổi trưởng thành. Giao cho anh Trần Trung N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Nguyễn Trung K, sinh ngày: 25/10/2009 đến tuổi trưởng thành

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0000109 ngày 18 tháng 10 năm 2017.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My